

VÀI TƯ LIỆU VỀ MỐI QUAN HỆ VIỆT NAM-NHẬT BẢN TRONG TIẾN TRÌNH LỊCH SỬ

Chương Thâu*

Việt Nam và Nhật Bản, hai nước thuộc châu Á, đều nằm trong vùng “khí hậu gió mùa” trải rộng từ miền duyên hải Sibérie ở phía bắc đến miền Đông Nam Ấn Độ và cùng thuộc vùng nông nghiệp trồng lúa nước.

Tài liệu khảo cổ học cho biết: “Từ sơ kỳ thời đại Đồ đá mới ở miền Trung nước Nhật Bản thể hiện những mối liên hệ với nền văn hóa Hòa Bình-Bắc Sơn ở Việt Nam”.⁽¹⁾ Người ta cũng từng tìm thấy dấu tích nền văn hóa Hòa Bình của Việt Nam ở Indonesia, đặc biệt là ở đảo Bornéo. Và “có lẽ từ đó, nền văn hóa Hòa Bình đã chuyển xuống phương nam, tới Australia và chuyển lên phía bắc, tới các đảo Philippines và Nhật Bản”.⁽²⁾

Cư dân Việt Nam và Nhật Bản, từ lâu đời vẫn tồn tại nhiều nét “đồng dạng” và “đồng tông” về phong tục, tập quán, tín ngưỡng tôn giáo. Chẳng hạn như, Việt Nam có tổ tiên là Tiên Rồng, thì ở Nhật Bản cũng cho rằng, họ là con của “thần Mặt Trời”; ở Việt Nam, nhân dân có tục thờ “Thành hoàng”, “Tổ tiên”, thì ở Nhật Bản cũng thờ “Thần đạo”, v.v... Đặc biệt, cùng với Nho giáo phát triển ở cả hai nước, thì Phật giáo cũng sớm hiện diện cả ở trên đảo quốc Phù Tang và bán đảo Đông Dương này. Hai nước từng có quan hệ giao lưu văn hóa rất sớm. Tư liệu lịch sử Nhật Bản đã ghi lại “chuyến đi thăm của một nhà sư Việt Nam đến Nhật Bản năm 752 để dự lễ khai trương pho tượng Phật tại Todaiji (Shuda Sayukichi)”.⁽³⁾ Chúng ta cũng biết rằng, người Nhật Bản đầu tiên đến với Giao Châu (tên nước Việt Nam thời cổ đại) là Abe no Nakamoro (A Bội Trọng Ma Lữ). Ông này từng du học ở Đường Quốc (tức Trung Quốc). Sau khi học thành tài đã nhập quốc tịch Trung Quốc, làm quan với nhà Đường đổi tên là Triều Hành. Năm 753, ông 55 tuổi, khá nổi tiếng về tài làm thơ Đường và giao du rất rộng với các giới văn nhân chính khách, ông được đề bạt chức Bí thư giám, phụ trách Thư viện của hoàng đế, đồng thời kiêm chức Vệ úy khanh chỉ huy đội cận vệ. Năm 761 niên hiệu Thượng Nguyên (Đường Huyền Tông) ông được phong chức Tả tán kỵ thường thị và bổ nhiệm làm Tiết độ sứ An Nam. Ông đã có nhiều công lao trong việc hòa giải tranh chấp giữa các dân tộc thiểu số ở biên giới Vân Nam-Việt Nam. Năm 767 ông trở về Trung Quốc và mất tại Trường An năm 770, thọ 72 tuổi.

*

* *

Bảng đi nhiều thế kỷ, không có thêm tư liệu gì nói về quan hệ Việt-Nhật một cách trực tiếp. Nhưng đến nửa cuối thế kỷ XIII, khi đế quốc Mông-Nguyên xâm chiếm xong Trung Nguyên (Trung Quốc) đã thi hành chính sách bành trướng, mở rộng cuộc viễn chinh xâm chiếm nhiều đại lục Á-Âu. Việt Nam và Nhật Bản cũng là đối tượng xâm lược của chúng. Đế quốc Mông-Nguyên đã cất quân xâm lược Đại Việt 3 lần vào các năm 1258, 1285, 1286, và xâm lược

* Viện Sử học.

Nhật Bản 2 lần vào các năm 1274 và 1281. Chúng đã đại bại tại chiến trường Đại Việt dưới thời Trần. Còn ở Nhật Bản, thì như chính *Nguyên sử Nhật Bản truyện* đã cho biết rằng: “Từ năm 1268, Hốt Tất Liệt đã nhiều lần sai sứ sang Nhật Bản cưỡng bức đặt quan hệ ngoại giao, nhưng Shikken (quan Nhiếp chính) Hojo Tokimune đã cự tuyệt. Năm 1274, Hốt Tất Liệt phái một hạm đội 900 chiến thuyền và 33.000 quân đánh chiếm các đảo Tsushima, Iki, rồi vào vịnh Hakozaki, tiến đến đảo Kyushu tỉnh Chikujen, gần eo Shimonoseki. Nhưng sức chiến đấu của người Nhật và gió bão ở đây đã buộc quân Nguyên phải rút về. Năm 1281, Hốt Tất Liệt lại sai hơn 15 vạn quân đánh Nhật Bản. Khi quân Nguyên đã tiến đến Kyushu trong vịnh Hakozaki và các đảo Taka Hitaro, tỉnh Hizen thì bị trận bão lớn ngày 16/8/1281 làm đắm phần lớn các chiến thuyền. Sau đó, quân Nguyên lại bị người Nhật đánh tan tác, quân sĩ bị bắt và bị giết gần hết. Năm 1283, Hốt Tất Liệt sai Atakhai (Atagai, A Tháp Hải) và một số tướng sĩ khác chuẩn bị đánh Nhật Bản, nhưng đến năm 1286, Hốt Tất Liệt lại “chuyển hướng chiến lược” về xâm lược phía đất liền “đại lục Trung Hoa và châu Á”. Hốt Tất Liệt tạo cơ mới và nói: “Nhật Bản chưa từng xâm lấn ta, nay Giao Chỉ xâm phạm biên giới, nên gác việc Nhật Bản lại để chuyên việc Giao Chỉ”.⁽⁴⁾ Nói “Giao Chỉ xâm phạm biên giới” chỉ là một điều vu khống. Chính ra là vì quân dân ta đã giáng cho đội quân xâm lược này những đòn sấm sét đến thảm bại ở Chương Dương, Hàm Tử, Thăng Long, Tây Kết... trong năm 1285, cho nên chúng lại phải cất quân lần nữa để trả thù rửa nhục. Và cũng vì thế mà Nhật Bản, về khách quan đã được thụ hưởng sự yên bình do ảnh hưởng gián tiếp cuộc chiến thắng của Đại Việt. Các “nhà bình luận sử học” Nhật Bản cũng ghi nhận sự thực lịch sử và cho rằng sự kiện đó đã góp phần vào “tình hữu nghị chiến đấu” chống kẻ thù chung của hai dân tộc Nhật-Việt. Có thể dẫn chứng thêm ở đây một tác phẩm viết theo thể “kỷ-văn học” của tác giả Mutsuwaki Uruga người Nhật đương thời. Bài ký có tựa đề *Ba cốc rượu chúc mừng chiến thắng của Đại Việt* viết vào tháng 8/1288, nội dung khá cảm động, xin tóm lược như sau:

“Tại quán rượu Hoa Hồng ở cảng Hakata, nơi được coi như “câu lạc bộ” của một số cự tượng lĩnh “chủ chiến” dưới thời nhiếp chính Tokimune. Họ luôn theo dõi và thường trao đổi tin tức với nhau về đội quân xâm lược của Hốt Tất Liệt.

Vào một buổi tối (tháng 8/1288) có ông cụ đến đây say sưa kể với hai “chính khách” sang trọng chuyện về Hốt Tất Liệt, Thoát Hoan, Ô Mã Nhi, Phàn Tiếp... ai đó chết và có ai đó bị bắt sống. Bỗng nghe một câu hỏi khá to:

- Thoát Hoan phải giải tán hết đại quân nam tiến rồi à?

- Thừa vâng.

Cụ gật gù:

- Giỏi lắm! Đáng khâm phục lắm! Đại Việt đã ba lần đánh tan quân xâm lược Nguyên-Mông!

Và cụ đứng dậy sảng khoái nói:

- Kính thưa các vị khách quý! Tôi xin phép được báo một tin vui: Rợ Nguyên-Mông vừa bị thất bại nhục nhã ở Đại Việt.

Cụ cười hà hà và nói tiếp:

- Hốt Tất Liệt từng huênh hoang nói: “Ta chỉ sông, sông cạn; ta chỉ núi, núi tan; ta chỉ ngàn, ngàn cháy!”. Thế mà xác hàng vạn quân Nguyên-Mông

đã nuôi béo cá biển Tây tổ quốc ta (Ý nói bị quân đội Nhật Bản và bão tố đánh cho tan tành trong trận tháng 8/1281), và vừa qua hàng trăm nghìn xác lính Nguyên-Mông lại được dùng để bón ruộng vườn cho dân Đại Việt. Vậy xin cạn cốc để chúc mừng tổ quốc ta đã thoát khỏi sự xâm lăng của Nguyên-Mông!

Mọi người vui vẻ nâng cốc.

Cụ rót một cốc rượu thứ hai, giơ cao và nói:

- Cốc rượu này chúng ta uống để chúc mừng dân tộc Đại Việt anh hùng đã ba lần đánh tan bọn xâm lược Nguyên-Mông.

Mọi người đều cạn cốc.

Một nhà quý tộc có mặt trong quán hỏi:

- Đại Việt ở đâu nhỉ?

Ông chủ quán giành lấy bình rượu. Ông cụ mặt đỏ rục, thái dương giật giật, nói:

- Rót cho ta cốc nữa thôi!

Chần chừ mãi, ông chủ quán phải rót cho cụ lưng cốc rượu:

- Xin quý khách cạn cốc này để chúc sức khỏe Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn dũng cảm và thao lược vô song, đã biến các viên tướng lừng danh của Nguyên-Mông thành những bại tướng nhục nhã. Chúng ta rất biết ơn Người và xin chân thành chúc sức khỏe Người.

Một thương gia giành lấy cốc rượu định uống thay cụ. Cụ gay gắt nói:

- Từ ngày chiến thắng đến nay đã bảy năm rồi (tức là trận quân Mông Cổ tan tác phải rút về hồi tháng 8/1281), ta không uống rượu. Hãy để cho ta uống. Ôi! Ta vui quá!

Uống xong cốc rượu, cụ rất lễ độ, cúi rạp đầu xuống cảm ơn những người đứng bên trái cụ, những người đứng trước mặt, rồi đến những người đứng bên phải. Và sau lần cúi thứ ba thì cụ từ từ gục xuống.

Cụ già này chính là tướng quân Ashigara Taka, khi thấy Phủ Nhiếp chính đã bị lũng đoạn bởi những kẻ “chủ hòa” (với quân Mông Cổ) đã xin từ quan về giúp mở quán rượu này làm nơi “tụ nghĩa” và để nắm vững tình hình bên kia bờ biển. Cụ theo dõi rất kỹ chủ trương của Hốt Tất Liệt. Khi nghe chúng bỏ kế hoạch đánh Nhật Bản lần thứ ba (1286) để rửa hận, cụ rất lo cho số phận của Đại Việt vì trận chiến đấu này có ảnh hưởng tới vận mệnh của cả hai dân tộc. Chính vì vậy nên cụ đã quá vui khi nghe tin thắng trận của Đại Việt. Nhưng thương quá, tiếc quá! Vì cụ đang ốm rất nặng và cụ đã không thực hiện được giấc mơ đến thăm nước Đại Việt và tiếp kiến tướng Trần Hưng Đạo”.⁽⁵⁾

Thiên “ký sự” trên đây quả là một bằng chứng hùng hồn về mối tình hữu nghị Việt-Nhật cao quý mà “tư liệu lịch sử” này đã ghi nhận. Thật đáng quý biết bao!

*

* *

Nghiên cứu lịch sử Nhật Bản, chúng ta thấy có một đặc điểm cần chú ý: Hoàn cảnh địa lý của nước Nhật Bản gắn liền với sự giao lưu kinh tế với bên ngoài. Không có mối quan hệ kinh tế rất lớn và rất nhiều mặt với bên ngoài, thì Nhật Bản không thể tồn tại và phát triển. Theo Giáo sư Đào Duy Anh thì “Từ đầu thế kỷ XV, có một ít người Nhật cũng đã đến buôn bán ở nước ta”.⁽⁶⁾

N. Peri trong chuyên khảo về quan hệ Nhật Bản-Đông Dương thời trung đại cho biết năm 1583 đã có tàu buôn Nhật Bản tới Đà Nẵng.⁽⁷⁾

Thời kỳ Toyotomi Hideyosi (1536-1598) cầm quyền, thương nhân Nhật Shirahama Kenki (Bạch Tân Hiển Quý)^(*) đã cùng 5 thuyền lớn đến buôn bán ở Cửa Việt (Thuận Hóa) thuộc tỉnh Quảng Trị hiện nay. Quốc Sử Quán triều Nguyễn (*Đại Nam thực lục tiền biên*) có ghi chép khá đầy đủ về nhân vật này nhưng đã nhầm lẫn Hiển Quý với người Tây Dương. Sự kiện này đã được sáng tỏ qua 2 bức thư trao đổi giữa chúa Nguyễn Hoàng với Mạc phủ Đức Xuyên Gia Khang (Tokugawa Ieyasu) và thư phúc đáp của Đức Xuyên Gia Khang gửi cho Nguyễn Hoàng.⁽⁸⁾ Qua đây ta thấy hai bên thực sự mong muốn một sự giao tiếp hòa hiếu lâu dài có lợi cho cả hai nước.

Nhà nghiên cứu người Triều Tiên, Kin Ei Ken cũng cho rằng Kenkata (Hiển Quý) là người Nhật Bản đầu tiên vào Việt Nam với mục đích thông thương cuối thế kỷ XVI.⁽⁹⁾ Theo “thống kê” của Nhật Bản, việc buôn bán với Đông Nam Á kể từ 1604-1634, trong số 331 giấy phép cấp cho thuyền buôn đi ra nước ngoài (shuinsen - châu ấn thuyền), có 121 là đến với Việt Nam. Thương nhân Nhật Bản xuất khẩu sang Việt Nam những đồ kim loại, gương, áo giáp, v.v... và đã đến mua hàng từ Hội An (Faifo) các sản phẩm tơ lụa, gỗ, trầm hương, hổ phách, thạch anh, hộp sơn mài... Tại Hội An, có lúc đã có đến 700 người Nhật cư trú, lập thành khu riêng, sống theo phong tục Nhật Bản. Khu cư trú của họ có nhiều công trình xây dựng sầm uất không kém gì khu Minh Hương (người Trung Quốc). Cố đạo Cristophoro Borri người Bồ Đào Nha đến Hội An năm 1618 đã ghi trong “ký sự” của mình rằng: “Người Trung Quốc và người Nhật Bản là những người buôn bán chính yếu ở Đàng Trong, tại một phường chợ họp ở một cảng miền đó. Thành phố ấy gọi là Faifo lớn đến mức có thể nói là gồm có hai con phố, một của người Trung Quốc và một của người Nhật Bản”.⁽¹⁰⁾

Năm 1635, nước Nhật ra lệnh cấm các thuyền buôn xuất bến. Do đó việc ngoại thương giữa Nhật Bản và Việt Nam bị đình chỉ và những người Nhật ở Hội An lúc bấy giờ đã ở lại sinh sống trên mảnh đất này. Trong số đó có hai “Nhật kiều” nổi tiếng là Araki Sotaro và Shicho Rodei Eikechi. Năm 1626, Sotaro kết hôn với công chúa Ngọc Vạn (con của chúa Nguyễn Phúc Nguyên). Về sau, công chúa đã cùng chồng trở về Nagasaki và mất vào năm 1643, hiện còn đền thờ ở Nagasaki. Tại Bảo tàng Nghệ thuật thành phố này vẫn còn lưu giữ một gương quý với bốn chữ *An Nam quốc kính* mà công chúa đem về từ Việt Nam. Đây có thể là tặng phẩm của chúa Nguyễn dành cho công chúa làm của hồi môn.^(**)

* Theo tác giả Phan Thanh Hải trong bài “Về những văn thư trao đổi giữa chúa Nguyễn và Nhật Bản, thế kỷ XVI-XVII”, tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển*, số 4 (57). 2006, thì nhân vật này là Shirahama Akitaka (Bạch Tân Hiển Quý). BBT.

** Theo *Nguyễn Phúc tộc thế phả* và nhiều tác giả khác, công chúa Ngọc Vạn được chúa Nguyễn Phúc Nguyên gả cho vua Chân Lạp là Chey Chetta II. Về sau nể tình bà, vua Chân Lạp cho người Việt vào lập dinh điền tại Mô Xoài (Bà Rịa ngày nay). Theo các kết quả khảo cứu gần đây, đặc biệt là thông tin khai thác từ Nhật Bản, rất có thể, người được gả cho Sotaro là *con nuôi* của chúa Nguyễn Phúc Nguyên. Bà kết hôn với Sotaro vào năm 1619, qua năm sau thì theo chồng về Nhật Bản và mất vào năm 1645. Mộ bà được chôn cạnh mộ chồng trong một ngôi chùa tại Nagasaki, sau này con cháu đời thứ 13 đã cải táng đi đâu không rõ. Xem thêm: Thân Trọng Thủy, “Công nữ Ngọc Hoa, nàng là ai?”, www.erct.com. BBT.

Hiện nay, trên đất Hội An còn có một số ngôi mộ người Nhật, có một giếng cổ do người Nhật xây tại chùa Tùng Bồn ở Cẩm Châu. Chùa này kiến trúc rất độc đáo, đặt trên một cây cầu bắc ngang con lạch chảy ra sông Thu Bồn, nên có tên gọi là Chùa Cầu. Chùa thờ Bắc Đế. Năm 1719 chúa Nguyễn Phúc Chu đến thăm Hội An và đặt tên cho cầu là “*Lai Viễn Kiều*”.⁽¹¹⁾

Ở Nhật Bản, tại nhà thờ dòng họ Chaya ở Nagoya còn giữ được một tượng Phật Bà Quan Âm do chúa Nguyễn tặng và một bức họa vẽ hình ảnh một chiếc tàu buôn của họ Chaya đến Hội An đang trên đường vào cửa biển Đà Nẵng. Ở dòng họ Kadoya còn lưu giữ một bản đồ hàng hải bằng da cừu với hàng lô kim găm nổi hai cảng Nagasaki của Nhật Bản và Hội An của Việt Nam.

Và ngay từ đầu, khi mới có sự giao thương giữa hai nước, chúa Nguyễn Phúc Nguyên cũng đã đối xử cởi mở, cho phép thương nhân Nhật Bản lập nghiệp trên lãnh thổ của mình để buôn bán lâu dài. Thương nhân Toba đã được chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên nhận làm con nuôi và dành cho nhiều ưu đãi về thương mại. Cùng với những lợi ích kinh tế, mối giao hiếu thân tình đó cũng đã góp phần không nhỏ vào việc phát triển quan hệ hữu nghị giữa hai nước ở thời kỳ này.⁽¹²⁾

Kể từ cuối thế kỷ XVII sau khi Nhật Bản ra lệnh cấm thuyền buôn xuất ngoại, quan hệ giao thương giữa hai nước bị hạn chế nhiều, tuy vậy, chúa Nguyễn vẫn gửi thư cho Mạc phủ Edo yêu cầu mở lại quan hệ thương mại và mong muốn nhập về nhiều tiền đồng để tăng cường khả năng tài chính. Bức thư của chúa Nguyễn viết năm 1688 mà Giáo sư Kawamoto Kuniyé kể lại trong tham luận nhan đề “Nhận thức quốc tế của chúa Nguyễn” đọc tại Hội thảo khoa học về “Quan hệ Nhật-Việt” tại Hội An năm 1990, nguyên văn trích như sau:

“Tôi thăm nghĩ, nước tôi bây giờ cần rất nhiều kinh phí cho lưu thông tiền tệ, nhưng kỹ thuật chế tạo tiền tệ không có, nên đành phải gác vắn đề tài chính lại. Tôi nghe rằng, ở quý quốc sản xuất đồng tốt và chế tạo tiền tùy theo nhu cầu. Nếu thật như thế, tại sao không chế thật nhiều tiền bằng đồng để cứu những nước nghèo về tiền tệ. Điều mong muốn đối với quý quốc là quý quốc làm luật lưu thông tiền tệ ở nước ngoài và giao dịch với nước tôi để hai quốc gia chúng ta cùng được lợi. Nếu được như thế, lưỡng tiện sẽ thông qua tình hữu nghị, xây đắp tín nghĩa, hai quốc gia trở thành một mái gia đình. Đây là điều thật tuyệt vời”.⁽¹³⁾ Đây cũng lại là một “tư liệu lịch sử” quý hiếm về “quan hệ Việt-Nhật” đã được ghi nhận.

*
* *

Thế kỷ XVIII-XIX, Nhật Bản trước thời Minh Trị (Meiji) cũng là một nước phong kiến “bế quan tỏa cảng” như Việt Nam. Nhưng trước sự đe dọa của đế quốc phương Tây, ở Nhật Bản đã sớm có một lớp người thức thời, đại diện cho giai cấp tư sản sớm hình thành, đứng ra làm một cuộc cải cách duy tân đất nước, Nhật Bản dần dần đổi mới bộ mặt, đủ sức chống lại phương Tây và tiến lên thành một nước tư bản cường thịnh. Năm 1894 Nhật Bản đã thắng trong cuộc “chiến tranh Giáp Ngọ” với nhà Thanh, đặc biệt năm 1904 đã thắng quân đội đế quốc Sa Hoàng, làm cho “*bọn trắng da ngơ ngác giật mình*”.⁽¹⁴⁾

Chiến thắng của Nhật Bản có một tiếng vang rất lớn trên thế giới. Việt Nam bấy lâu nay bị đế quốc da trắng chà đạp và khinh rẻ, nay tin rằng

Nhật Bản sẽ là cứu tinh của các dân tộc da vàng, sẽ giúp mình thoát khỏi ách thống trị của đế quốc da trắng. Bây giờ đã có những bài ca tuyên truyền, hướng về tấm gương Nhật Bản:

*“Cờ độc lập đứng đầu phát trước,
Nhật Bản kia vốn nước đồng văn.
Thái Đông nổi hiệu duy tân,
Nhật hoàng là đáng anh quân ai bì!”⁽¹⁵⁾*

và cho rằng:

*“Nhật là họ, Pháp là thù,
Mưu cao phải học, thù sâu phải đền”⁽¹⁶⁾*

Bây giờ, nhà yêu nước Phan Bội Châu đã sáng lập ra Duy Tân Hội và trực tiếp lãnh đạo phong trào Đông Du đưa người sang du học ở Nhật Bản. Phong trào này, trong vòng 4 năm (1905-1909) đã chọn được khoảng 200 thanh niên ưu tú yêu nước sang Nhật Bản học tập các môn quân sự, chính trị, khoa học, ngôn ngữ... ở các trường Chấn Võ Học Hiệu, Đồng Văn Thư Viện, đã được các nhân sĩ, trí thức, chính khách của Nhật Bản như Okuma, Inukai, Kashiwabara Buntaro... ân cần đón tiếp, cứu mang giúp đỡ. Phong trào Đông Du được coi là một thành tích lớn trong sự nghiệp cách mạng của Phan Bội Châu và của Duy Tân Hội, vì nó đã đào tạo được một số cán bộ cách mạng mới, có nhiệt tình yêu nước cao và trở thành những chiến sĩ cách mạng tận tụy với sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc đầu thế kỷ XX, nhiều người đã hy sinh cho sự nghiệp cứu nước cao cả.

Từ nội dung hoạt động của phong trào Đông Du, các nhà cách mạng Việt Nam đã học tập, thấm nhuần thêm những tư tưởng tiến bộ của một cuộc cách mạng dân chủ tư sản mà họ đang theo đuổi.

Đồng thời, qua phong trào Đông Du, tại “trung tâm Tokyo”, các nhà cách mạng Việt Nam được tiếp xúc mở rộng việc hợp tác với các nhà cách mạng thế giới, đã tạo lập được một số tổ chức cách mạng quốc tế như: Hội Điền Quê Việt Liên Minh, Hội Đông Á Đồng Minh. Tư tưởng “liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở châu Á” chính là bắt nguồn từ Tokyo này.

Và nữa, phong trào Đông Du đã đặt một cái mốc lịch sử quan trọng cho các mối quan hệ, cho “tình hữu nghị Việt-Nhật” rất đáng trân trọng trong lịch sử cận đại. Mặc dầu, về phía quan phương chính thống của Chính phủ Nhật Bản thì không thể trực tiếp giúp đỡ công khai cho phong trào Đông Du, nhưng về tình cảm “đồng văn, đồng chủng” vẫn được phát triển, đặc biệt các nhân sĩ trí thức tiến bộ và nhân dân Nhật Bản vẫn cứu mang giúp đỡ nhiệt tình và hào hiệp cho phong trào Đông Du. Cụ Phan Bội Châu và nhân dân Việt Nam mãi mãi không bao giờ quên sự giúp đỡ tận tình của bác sĩ Asaba Sakitaro, của gia đình cụ Kashiwabara Buntaro, của Migazuki Tonten và rất nhiều người khác nữa...

Phong trào Đông Du đang hoạt động có hiệu quả tốt, thì thực dân Pháp câu kết với Chính phủ Nhật ra lệnh đàn áp, giải tán! Và đến tháng 3/1909, toàn bộ lưu học sinh Việt Nam và các lãnh tụ Phan Bội Châu, Cường Để bị trục xuất khỏi Nhật Bản. Tình hình trở nên nghiêm trọng! Ngay cả kinh phí để cho học sinh hồi hương về Việt Nam cũng gặp phải khó khăn không nhỏ. Có một số du học sinh lén lút qua lại để tiếp tục học tập lại càng gian khổ trăm bề!

Vừa lúc đó, bác sĩ Asaba Sakitaro đã kịp thời chi viện cho Phan Bội Châu một số tiền lớn (1.700 yên, trong khi lương tháng của một hiệu trưởng trường

tiểu học chỉ là 18 yên!) với tấm lòng hào hiệp vô tư vì đại nghĩa như trước đó ông đã từng cứu mang nhiều học sinh Việt Nam. Bác sĩ Asaba Sakitaro quả thật là một “đại ân nhân” của phong trào Đông Du. Cho nên, sau hơn 10 năm rời khỏi Nhật Bản về Trung Quốc hoạt động và bị tù tội, Phan Bội Châu đã cùng với vài chiến hữu xưa kia từng hoạt động ở Nhật Bản tìm đường đến tận quê hương của bác sĩ Asaba (lúc này đã qua đời) để dựng bia cho vị ân nhân này tại Umeiyama, thôn Higashiasaba, tỉnh Sizuoka. Văn bia ghi rõ (dịch như sau):

“Chúng tôi vì việc nước, chạy sang đất Phù Tang, ông thương chúng tôi, giúp khi hoạn nạn, không mong báo đáp lại. Ông có thể sánh với người hào hiệp đời xưa. Nay tôi lại đây, ông đã mất rồi. Trông khắp bốn bể, bóng người đã vắng. Mênh mông trời bể, lòng này khôn tỏ. Mới khắc cảm tưởng vào đá ghi rằng:

Hào hơn xưa nay, nghĩa đầy trong ngoài. Ông giúp như trời, tôi chịu như bể. Chỉ tôi chưa thành, ông không chờ tôi. Lòng này đau thương, đến ức vạn năm. Tất cả người của Hội Việt Nam Quang Phục xin ghi lại”.

Việc xây dựng tấm bia này, Phan Bội Châu cũng lại được nhân dân ở quê hương của bác sĩ góp cho nhiều tiền bạc mới có thể hoàn công được. Và đây cũng lại là một biểu hiện tình nghĩa sâu sắc giữa nhân dân Nhật Bản đối với Phan Bội Châu. Một tình thiêng liêng và cảm động. Chính vì vậy mà Phan Bội Châu trong bản “tự truyện” của mình đã ghi lại mối cảm tình thâm hậu đó: *“Tôi đặc biệt viết ra đây để truyền lại cho đồng bào Việt Nam biết đến nghĩa cử của những người bạn Nhật Bản như thế này mãi mãi”.* Sự kiện lịch sử đó, nhân dân hai nước Việt-Nhật vẫn hằng ghi nhớ và trân trọng. Năm 2003, nhân kỷ niệm 85 năm ngày Phan Bội Châu dựng bia, Hội Truyền thống yêu nước của tỉnh Shizuoka (Tỉnh Cương) của Nhật Bản đã long trọng tổ chức lễ kỷ niệm “85 năm nhà yêu nước Việt Nam Phan Bội Châu dựng bia Asaba Sakitaro” và mời một số nhà khoa học Việt Nam, Nhật Bản và hậu duệ của cụ Phan sang dự lễ. Thật cảm động. Đến năm 2010, nhân kỷ niệm 105 năm phong trào Đông Du, phía Nhật Bản, Hội Asaba-Việt Nam lại tổ chức kỷ niệm Phan Bội Châu và hiến tặng cho Bảo tàng Lịch sử Việt Nam và Nhà lưu niệm Phan Bội Châu ở Huế “phù điêu và mô hình tấm bia Asaba” mà Phan Bội Châu dựng năm 1918 ở Nhật Bản.

Nhưng chứng tích về tình “hữu nghị của nhân dân Nhật Bản” đối với Phan Bội Châu và phong trào Đông Du không chỉ có thế (chỉ có tấm bia ân nghĩa Asaba), gần đây chúng tôi (qua các đợt sưu tầm tài liệu về phong trào Đông Du tại Nhật Bản vào các năm 1989, 1994...) còn phát hiện thêm nhiều chứng tích khác nữa (tại Kho lưu trữ của Bộ Ngoại giao Nhật Bản và tại Thư viện Hội Đông Á Đồng Văn Tokyo cũ). Chẳng hạn như bức thư sau đây của Phan Bội Châu, từ Trung Quốc (Hàng Châu - Chiết Giang) gửi báo tin với cụ Kashiwabara Buntaro là mình đã ra tù và nói lời tri ân đối với cụ là người trước đây đã cứu mang nhiều lưu học sinh Việt Nam. Trong đó có đoạn viết:

“Gần đây, do anh em tôi từ Nhật Bản trở về Trung Quốc tin cho tôi biết về tình hình của tiên sinh, vui mừng khôn xiết. Tiên sinh lấy lòng hào hiệp, coi khinh thường tục, hào khí suốt năm châu, làm cho người chết sống lại, mà không nói đến ơn đức, làm cho nòi giống sắp tuyệt diệt, tiếp tục tồn tại, mà không tính công. Việc ấy, lòng ấy, người ấy, trộm nghĩ có lẽ hiện nay không gì sánh nổi. Điều mà tôi và các đồng chí của tôi sớm tối cầu chúc cho tiên sinh há giống như những tư tưởng tâm thường dung tục sao! Chúng tôi không dám

dùng tư tưởng tâm thường để mong đợi ở tiên sinh, chính vì tiên sinh chắc chắn cũng không dùng tư tưởng tâm thường để đòi hỏi ở chúng tôi. Nếu như chúng tôi ý chí và hành động hèn kém, tinh thần sa sút ngòai nhìn nước mình chìm đắm, thì vừa không có gì để đối với tiên sinh, vừa bị nhân loại khinh bỉ.

Tưởng nhớ đến tri kỷ, lòng vừa lo vừa thẹn. Trời xanh mênh mang, đất trời cùng cực. Nghĩ rằng các bậc hiền triết cao minh chắc chắn thấu hiểu tâm lòng của người mất; lại có những người không thể chỉ dừng ở sự cảm kích. Bọn học sinh con em chúng tôi được tiên sinh nhọc công giáo dục, ơn cha ơn thầy, lại được hiền quý phu nhân yêu mến như con, thật hữu ái phi thường.⁽¹⁷⁾ Với ân tứ thiêng liêng như tiên sinh và hiền quý phu nhân chắc chắn không chỉ bọn chúng tôi và người nước tôi sùng bái ca ngợi.

Xa lâu nhớ sâu, ý dài lời ngắn, mong có một dịp khác sẽ cùng nhau uống rượu vui mừng, thổ lộ tâm tư cho thỏa.

Nhân đây, tôi xin thay mặt anh em gửi lời hỏi thăm các bậc hiệp hữu Nefu Hajine⁽¹⁸⁾ tiên sinh, Tsuneya Monikoto⁽¹⁹⁾ tiên sinh. Kính chúc các vị bình an.

Ngày 1 tháng Sáu Bính Thìn (1916)

Việt Nam Phan Thị Hán cúi đầu⁽²⁰⁾

Rõ là một bức thư tâm huyết, một tư liệu lịch sử quý hiếm phản ánh tình hữu nghị sâu sắc giữa nhân dân hai nước Việt-Nhật.

Tìm hiểu nghiên cứu lịch sử quan hệ Nhật-Việt thời kỳ Đông Du của Việt Nam chúng ta còn phát hiện được thêm nhiều chứng tích phong phú và đa dạng nữa. Quan hệ Việt-Nhật ở thời kỳ Đông Du do Phan Bội Châu lãnh đạo và thành tựu mà Đông Du đạt được có một ý nghĩa lịch sử quan trọng như là một điểm nhấn, một cái đà, một nhịp cầu nối liền truyền thống đấu tranh giữa phong trào Cần Vương cuối thế kỷ trước bị thất bại đến với phong trào đấu tranh chống Pháp thắng lợi sau này dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh và đảng của giai cấp công nhân. Tuy vậy “Phong trào Đông Du” và cụm từ “Chiến sĩ Đông Du” vẫn được lịch sử phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc Việt Nam trân trọng ghi nhận. Và năm 2013 nhân dịp kỷ niệm 40 năm thiết lập quan hệ ngoại giao Việt-Nhật, bên cạnh các hoạt động do Việt Nam tổ chức, phía Nhật Bản cũng đã tiến hành nhiều sự kiện hữu nghị rất đáng ghi nhận như làm các cuốn phim tài liệu, phim truyện lịch sử rất đặc sắc về quan hệ Nhật-Việt, về các danh nhân Asaba Sakitaro, Phan Bội Châu v.v...

Như trên đã nói, phong trào Đông du bị thực dân Pháp câu kết với Chính phủ Nhật giải thể, trục xuất lưu học sinh..., chấm dứt một giai đoạn quan hệ Việt-Nhật tiếp xúc, giao lưu thật có ý nghĩa và tích cực nhất trong thời cận đại.

Nhưng rồi kể từ khi “Điều ước Pháp-Nhật 10/6/1907” được thi hành, rồi Thế chiến thứ I... và nhất là từ những năm 30 của thế kỷ XX trở đi, Nhật Bản trở thành một nước đế quốc - phát xít - quân phiệt, trượt dần về phía đối địch với nhân dân yêu chuộng hòa bình, với các nước dân tộc chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa. Trong chính sách cụ thể với Việt Nam và Đông Dương, chính phủ phát xít quân phiệt Nhật là kẻ thù.

- Năm 1924, Toàn quyền Đông Dương là Merlin qua Nhật Bản để bàn những vấn đề kinh tế và chính trị giữa Đông Dương và Nhật Bản, trong đó có sự tăng cường phối hợp để đàn áp những người cách mạng ở Đông Dương.

- Nhật Bản sử dụng những người Việt Nam lưu vong, đỡ đầu cho những người này lập ra các đảng phái phản động chống phá cách mạng Việt Nam. Từ năm 1937, Cường Để nguyên là Hội chủ của Việt Nam Quang Phục Hội đã hoàn toàn xa rời những hoạt động cách mạng tiến bộ và trở thành con bài chính trị của Nhật Bản trong mưu đồ bành trướng ở Việt Nam và Đông Dương, v.v...

- Tiếp theo là những năm từ Thế chiến thứ II (1939-1945), có những sự kiện đáng ghi nhận sau đây:

+ Ngày 26/8/1939: Máy bay Nhật ném bom Thất Khê (Lạng Sơn) làm 65 người chết, 57 người bị thương. Sự kiện này là dấu hiệu đầu tiên của những hoạt động quân sự của phát xít Nhật ở Đông Dương cùng với việc đã chiếm đóng quần đảo Hoàng Sa từ tháng 3/1939.

+ Tháng 7/1940: Các lực lượng vũ trang của Nhật Bản ồ ạt kéo vào Đông Dương. Tháng 11/1940, “xứ Bắc Kỳ hoàn toàn biến thành căn cứ quân sự của Nhật”.

+ 29/7/1941, Nhật vào Sài Gòn: Nhật chiếm đóng toàn cõi Đông Dương.

+ 09/12/1941: Nhật buộc Pháp phải “hợp tác toàn diện trong việc phòng thủ Đông Dương”. Về bản Hiệp ước này, *Thông cáo của Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương* ngày 21/12/1941 viết: “*Bọn thực dân Pháp ở Đông Dương hoàn toàn chỉ là một con chó giữ nhà cho Nhật, phải thẳng tay đàn áp để giữ vững hậu phương cho Nhật, phải bắt lính, bắt phu và cung cấp tiền tài cho Nhật*”.

+ 18/7/1942: Ký kết Hiệp ước Pháp-Nhật về việc cung cấp gạo cho Nhật.

+ 03/11/1943: Viện Văn hóa Nhật Bản ở Đông Dương chính thức khánh thành do Công sứ Masuyki Yohayama đồng thời là người đứng đầu phái bộ kinh tế Nhật ở Đông Dương làm Viện trưởng. Viện này nhằm truyền bá văn hóa Nhật và tư tưởng Đại Đông Á, mở các cuộc triển lãm nghệ thuật, tổ chức các lớp học Nhật ngữ, gửi một số trí thức qua Nhật học tập, tu nghiệp. (Trong số này có một số người trở thành nhà khoa học đã trở về tham gia kháng chiến chống Pháp), lập Phòng Thông tin Nhật ở Sài Gòn, v.v...

+ 01/01/1944: Nhật đưa Trần Trọng Kim sang Singapore nhằm chuẩn bị cho âm mưu chính trị sau này.

+ 09/3/1945: Nhật đảo chính Pháp trên toàn cõi Đông Dương.

+ 12/3/1945: Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương ra chỉ thị “Nhật-Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”.

+ 14/8/1945: Phát xít Nhật tuyên bố đầu hàng vô điều kiện.

+ 02/9/1945: Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời.

Tóm tắt thời kỳ Nhật xâm chiếm và thống trị Đông Dương, nhà sử học cách mạng Trần Huy Liệu đã viết:

“*Suốt từ tháng 9/1940 đến trước ngày đảo chính Pháp 9/3/1945, Nhật Bản lấy chính sách “duy trì hiện trạng” làm cơ bản ở Đông Dương. Phương kế ấy đã lợi dụng được bộ máy chính quyền thuộc địa của Pháp ở Việt Nam nói riêng và các nước trên bán đảo Đông Dương nói chung. Sự cống nộp của Pháp đã giảm bớt phần chi phí tốn kém của Nhật cho việc lập lại an ninh và hệ thống kiểm soát, đồng thời lại vơ vét được nhiều của cải. Núp dưới chiêu bài “cùng cộng tác” khai thác, Nhật đã thu được món lợi kếp sù. Chỉ riêng năm 1944, số gạo xuất từ Đông Dương sang Nhật là 500.000 tấn. Số tiền của Ngân hàng Đông Dương mà Pháp phải tạm ứng cho Nhật từ 1940 đến 9/3/1945 là 723 triệu đồng.*”

Đây là về phương diện kinh tế. Về mặt quân sự, Nhật muốn biến Đông Dương của Pháp làm căn cứ hậu cần, cung cấp lương thực, thực phẩm và binh lính cho chiến tranh, cho các đợt hành quân xuống phía Nam - Đông Dương trở thành bàn đạp đàn áp phong trào kháng Nhật từ tháng 9/1940 đến tháng 7/1941; từ 7/1941 đến 11/1944 là cầu nối để chuyển quân xuống phía Nam Thái Bình Dương, và từ tháng 11/1944 đến tháng 8/1945 là căn cứ cuối cùng của Nhật ở Đông Nam Á”.⁽²¹⁾

- Sau Thế chiến thứ II, đại quân Nhật Bản bị quân đội Đồng minh giải giáp và hồi hương. Nhưng có một số binh sĩ Nhật (do nhiều lý do khác nhau) đã ở lại với nhân dân Việt Nam, họ được thu dung và gọi là “những người Việt Nam mới” và trở thành những người bạn tốt của Việt Nam, của chính quyền cách mạng và của Quân đội Nhân dân Việt Nam. Họ cũng đã tích cực giúp đỡ quân đội Việt Nam huấn luyện (võ thuật, kiếm thuật, học tập quân sự, vô tuyến điện, quân y dược học, v.v...), có người là cố vấn cho quân đội ta, v.v... Sau khi cuộc kháng chiến chống Pháp nổ ra có nhiều người “Việt Nam mới” tham gia hàng ngũ Quân đội Nhân dân Việt Nam đến sau ngày miền Bắc được giải phóng (1954), phần lớn những người “Việt Nam mới” này đã được hồi hương về Nhật Bản theo như Hiệp định giữa chính phủ hai nước Nhật-Việt đã thỏa thuận ký kết. Thiết nghĩ đây cũng là “một sự kiện” ghi đậm tình hữu nghị Việt-Nhật rất đáng cấu thành một đề tài nghiên cứu khoa học lý thú đối với các nhà Nhật Bản học và Việt Nam học.

*
* *

Thời kỳ từ 1954-1975, Việt Nam bị chia cắt làm 2 miền. Nhật Bản chủ yếu quan hệ với miền Nam Việt Nam (Việt Nam Cộng hòa) và phần lớn là trên quan hệ kinh tế. Có mấy cái “mốc lịch sử” và “tư liệu” đáng ghi:

- 1954-1955: Hàng hóa Nhật Bản tiếp tục đổ vào miền Nam (Nhật Bản xuất quỹ đặc biệt đến hơn 3 tỷ yên buôn bán tại Đông Nam Á).

- 1961: Nhật mở triển lãm 12.000 mặt hàng tại Sài Gòn (20/1/1961).

- 1968: Chỉ riêng số xe gắn máy nhập vào miền Nam đã đạt đến giá trị trên 50 triệu USD, ngoài ra còn hàng trăm mặt hàng về tư liệu, công cụ sản xuất nông nghiệp, các hàng tiêu dùng khác... Trong khi đó miền Nam chỉ xuất khẩu sang Nhật hàng sắt vụn, tôm cá, chuối, hoa quả... giá trị không đáng kể.

- Đến ngày 30/4/1975, chính quyền Sài Gòn sụp đổ. Các nhà buôn Nhật Bản có ít nhiều ngỡ ngàng. Đây! Tiếng nói của một nhà buôn lớn Nhật Bản ở miền Nam Việt Nam: “Dù sao thì chúng tôi vẫn có lãi!”.

Từ đây, bắt đầu một thời kỳ mới của mối quan hệ Việt-Nhật.

Cũng cần nhắc lại rằng: Sau Thế chiến thứ II, nước Nhật không có được chính sách đối ngoại độc lập suốt 30 năm. Nhật Bản đã phải phụ thuộc sâu sắc vào nước Mỹ, và từ 11/1957 Nhật Bản đã phải thừa nhận chính quyền Sài Gòn.

Tuy vậy, Nhật Bản cũng đã để ý đến than đá Hòn Gai và vẫn tiến hành buôn bán với miền Bắc Việt Nam thông qua Hội Thương mại Nhật-Việt. Đến năm 1958, Chính phủ Nhật đã cho phép giao dịch trực tiếp giữa hai nước, nên số lượng hàng hóa trao đổi đã tăng lên. Nhưng đến năm 1965, đế quốc Mỹ bắt

dầu ném bom miền Bắc và tất cả các tàu thủy Nhật đã bị cấm tới miền Bắc Việt Nam, số lượng giao dịch giữa hai nước bị giảm sút.

- Đến ngày 21/9/1973, tại Paris, quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Nhật Bản được chính thức thiết lập. Dựa trên mối quan hệ mới này, Chính phủ Nhật đã dành cho Việt Nam nhiều khoản vốn ODA lên tới 14 tỷ yên. Nhưng đến tháng 12/1978, quân đội Việt Nam tiến vào Campuchia giúp nhân dân xứ Chùa Tháp khởi họa “diệt chủng của Khmer đỏ”, thì Chính phủ Nhật đã ngừng viện trợ kinh tế cho Việt Nam!

- Năm 1989, Việt Nam rút quân khỏi Campuchia, mâu thuẫn Đông-Tây được giải quyết, thì quan hệ Nhật-Việt trở lại bình thường.

- Chính sách Đổi mới của Việt Nam bắt đầu từ Đại hội Đảng lần thứ VI (1986), nhất là từ 1992, quan hệ ngoại giao và thương mại giữa hai nước được phục hồi, phát triển, qua đó thắt chặt và mở rộng quan hệ giao lưu văn hóa, giáo dục thể hiện dưới nhiều hình thức khác nhau như sự gia tăng của hoạt động du lịch, đặc biệt là trao đổi văn hóa, khoa học, giáo dục. Chẳng hạn, Hội Hữu nghị Việt-Nhật được thành lập, nhiều cơ quan, trung tâm nghiên cứu về Nhật Bản ở Việt Nam và nghiên cứu Việt Nam ở Nhật Bản cũng ra đời và hoạt động một cách nhịp nhàng.

- Tháng 3/1993, Thủ tướng Việt Nam Võ Văn Kiệt đi thăm Nhật Bản.

- Đầu năm 1994, Thủ tướng Nhật Bản sang thăm Việt Nam. Hai bên đã ký thêm nhiều văn kiện hợp tác... mở ra một trang mới trong quan hệ Nhật-Việt đầy hứa hẹn.

Để cho đà phát triển này được mạnh mẽ hơn nữa, phía Việt Nam đang chú ý cải thiện cơ sở hạ tầng, chỉnh đốn về luật pháp và các chính sách kinh tế. Phía Nhật Bản cần cố gắng hiểu biết lẫn nhau hơn không những về kinh tế mà còn cả về văn hóa nữa để quan hệ giữa hai nước ngày một tốt đẹp hơn.

*

* *

Nhìn lại quan hệ Việt-Nhật trong tiến trình lịch sử, ta có thể thấy, do tương đối gần nhau về vị trí địa lý, lại có chung nhiều nét tương đồng về lịch sử, văn hóa nên mối quan hệ giữa hai nước đã được xác lập sớm trong lịch sử và tồn tại qua nhiều thế kỷ. Trải qua thời gian, mặc dù không tránh khỏi những bước thăng trầm, nhưng truyền thống hữu nghị giữa hai nước đã tạo nên cơ sở thiết yếu cho sự phát triển quan hệ hợp tác và sự hiểu biết giữa hai dân tộc ở khu vực châu Á (Đông Nam Á và Đông Bắc Á) này ngày càng gắn bó.

Hà Nội, tháng 5/2013

C T

CHÚ THÍCH

- (1) P.I. Boriskovski. *Cơ sở khảo cổ học*. Lê Thế Pháp và Đặng Công Lý dịch, Nxb Giáo dục, Hà Nội 1962, tr. 445 và 446.
- (2) Như trên.
- (3) Dẫn lại Trịnh Tiến Thuận trong bài “Quan hệ văn hóa Nhật-Việt thời chúa Nguyễn ở Đàng Trong”, *Thông tin Khoa học - Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh*, số 17, tháng 4/1997, tr. 85.
- (4) Dẫn lại Hà Văn Tấn-Phạm Thị Tâm. *Cuộc kháng chiến chống xâm lược Nguyên-Mông*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1968, tr. 248-249.

- (5) Mutsuwaki Uraga. “Ba cốc rượu chúc mừng”, tài liệu do Nguyễn Tường sưu tầm và dịch, tạp chí *Nghiên cứu Nhật Bản*, số 4/1999.
- (6) Đào Duy Anh. *Việt Nam văn hóa sử cương* (tái bản), Nxb Đồng Tháp, 1998, tr. 78.
- (7) Dẫn tài liệu của Phan Ngọc Liên... “Quan hệ Việt-Nhật trong lịch sử”, tạp chí *Thông tin Khoa học Xã hội*, số 4/1995, tr. 28-30.
- (8) Xem nguyên văn in ở sách *25 năm quan hệ Việt-Nhật*, Nxb Khoa học Xã hội, 1999, tr. 74, 78.
- (9) Theo Phan Ngọc Liên..., bài đã dẫn.
- (10) Theo Phan Ngọc Liên..., bài đã dẫn.
- (11) Xem Chương Thâu. “Lai Viễn Kiều - nhịp cầu tượng trưng cho tình hữu nghị Nhật-Việt từ thế kỷ XVII” in trong sách *Đô thị cổ Hội An*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội 1991, tr. 325-329.
- (12) Theo Li Tana. *Xứ Đàng Trong - Lịch sử kinh tế và xã hội Việt Nam*, Nxb Trẻ, TP Hồ Chí Minh, 1999, tr. 94.
- (13) Kawamoto Kuriyé. “Nhận thức quốc tế của chúa Nguyễn” in trong sách *Đô thị cổ Hội An*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1991, tr. 177.
- (14), (15), (16) Những câu trích trong bài “Đề tỉnh quốc dân ca” in trong *Phan Bội Châu - Toàn tập*, tập 2, Nxb Thuận Hóa và Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội, 2001, tr. 329, 334.
- (17) Theo *Truyện ký các bậc sĩ tiên giác Đông Á* (tập Trung), Kashiwabara là người ngay từ đầu đã tận lực giúp đỡ họ, đã giữ mấy lưu học sinh trẻ tuổi ở lại nhà mình, yêu mến họ như con em trong nhà, đến mức những người này đều gọi vợ chồng Kashiwaraba là “cha”, “mẹ” (tr. 821). Có thể thấy ông bà đã được lưu học sinh yêu kính đến mức nào.
- (18) Nefu Haijine (1860-1927) quê ở Yamanashi, hoạt động tích cực trong Hội Đông Á Đồng Văn có quan hệ với lưu học sinh Việt Nam thời kỳ Đông Du.
- (19) Tsuneya Monikoto (1855-1909) quê ở Fukujima, hoạt động tích cực trong Hội Đông Á Đồng Văn có quan hệ tốt với lưu học sinh Việt Nam thời kỳ Đông Du.
- (20) Bức thư này trích từ bài đăng ở tạp chí *Nghiên cứu Nhật Bản và Đông Bắc Á*, số 6/2001, tr. 77.
- (21) Trần Huy Liệu. *Lịch sử 80 năm chống Pháp*, Nxb Văn Sử Địa, Hà Nội, 1957, tr. 17.

TÓM TẮT

Bài viết trình bày khái quát về diễn tiến của mối quan hệ Việt Nam-Nhật Bản thông qua việc điểm lại các tư liệu lịch sử. Từ đó tác giả kết luận: Do tương đối gần nhau về vị trí địa lý, lại có chung nhiều nét tương đồng về lịch sử, văn hóa nên mối quan hệ giữa Việt Nam và Nhật Bản đã được xác lập sớm trong lịch sử và tồn tại qua nhiều thế kỷ. Trải qua thời gian, mặc dầu không tránh khỏi những bước thăng trầm, nhưng truyền thống hữu nghị giữa hai nước đã tạo nên cơ sở thiết yếu cho sự phát triển quan hệ hợp tác và sự hiểu biết giữa hai dân tộc ở khu vực châu Á (Đông Nam Á và Đông Bắc Á) ngày càng gắn bó mật thiết hơn.

ABSTRACT

SOME DOCUMENTS ON VIETNAM-JAPAN RELATIONS DURING HISTORICAL PROCESS

The article presents an overview on the course of Vietnam-Japan relations by reviewing historical records; and then, the author concludes that the Vietnam-Japan relations was set up early in history and have existed for centuries thanks to close geographic locations of these two countries and historical similarities between them. Over time, despite inevitable ups and downs, the traditional friendship between the two countries have made essential basis for the development of intimate cooperation and understanding between the two peoples in the two subregions of Asia (Southeast Asia and Northeast Asia).